

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)

Phòng thi: C1.A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 24/02/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0171	SV6039454	NGUYỄN TUẤN	ANH	20/02/1999		
2	TA0172	SV6039455	NGUYỄN TUẤN	ANH	03/05/1999		
3	TA0173	SV6039456	NGUYỄN	HẢO	16/07/1998		
4	TA0174	SV6039457	NGUYỄN TẮT	HÙNG	15/09/1999		
5	TA0175	SV6039458	TRẦN QUANG	ANH	10/08/1998		
6	TA0176	SV6039459	PHẠM HOÀNG	ANH	21/09/1999		
7	TA0177	SV6039460	NGUYỄN ĐỨC	ANH	11/01/1998		
8	TA0178	SV6039461	LÊ VĂN	ĐẠI	06/08/1998		
9	TA0179	SV6039462	ĐỖ TRỌNG	ĐỨC	13/11/1999		
10	TA0180	SV6039463	NGUYỄN TUẤN	DƯƠNG	18/01/1999		
11	TA0181	SV6039464	NGUYỄN ĐỨC	HIỂN	24/07/1998		
12	TA0182	SV6039465	ĐINH VĂN	HIẾU	10/10/1998		
13	TA0183	SV6039466	ĐÀO XUÂN	HÒA	12/04/1998		
14	TA0184	SV6039467	NGUYỄN THẾ THANH	HÙNG	09/07/1998		
15	TA0185	SV6039468	NGUYỄN QUANG	HÙNG	17/11/1999		
16	TA0186	SV6039469	THÂN VĂN	HƯỜNG	06/06/1998		
17	TA0187	SV6039470	DƯƠNG HÀ	KHÁNH	17/08/1998		
18	TA0188	SV6039471	HÀ THỊ	LAN	23/07/1996		
19	TA0189	SV6039472	TRẦN THỊ MAI	LAN	25/05/1998		
20	TA0190	SV6039473	TRẦN THỊ TÀI	LINH	09/01/1998		
21	TA0191	SV6039474	TRẦN DIỆU	LINH	18/09/1999		
22	TA0192	SV6039475	MAI THỊ	LOAN	26/12/1999		
23	TA0193	SV6039476	NGÔ XUÂN	LỘC	19/10/1999		
24	TA0194	SV6039477	NGUYỄN DUY	LỘC	22/02/1998		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)